**1 Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài

Điều 5. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài

Điều 6. Toà án từ chối thụ lý trong trường hợp có thoả thuận trọng tài

Điều 7. Xác định Toà án có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài

Điều 8. Xác định Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài

Điều 9. Thương lượng, hoà giải trong tố tụng trọng tài

Điều 10. Ngôn ngữ

Điều 11. Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài

Điều 12. Gửi thông báo và trình tự gửi thông báo

Điều 13. Mất quyền phản đối

Điều 14. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp

Điều 15. Quản lý nhà nước về Trọng tài

**2 Chương II. THỎA THUẬN TRỌNG TÀI**

 Điều 16. Hình thức thoả thuận trọng tài

Điều 17. Quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng

Điều 18. Thoả thuận trọng tài vô hiệu

Điều 19. Tính độc lập của thoả thuận trọng tài

**3 Chương III. TRỌNG TÀI VIÊN**

Điều 20. Tiêu chuẩn Trọng tài viên

 Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của Trọng tài viên

Điều 22. Hiệp hội trọng tài

**4 Chương IV. TRUNG TÂM TRỌNG TÀI**

Điều 23. Chức năng của Trung tâm trọng tài

Điều 24. Điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài

Điều 25. Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài

Điều 26. Công bố thành lập Trung tâm trọng tài

Điều 27. Tư cách pháp nhân và cơ cấu của Trung tâm trọng tài

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm trọng tài

Điều 29. Chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài

**5 Chương V. KHỞI KIỆN**

Điều 30. Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo

Điều 31. Thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài

Điều 32. Thông báo đơn khởi kiện

Điều 33. Thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài

Điều 34. Phí trọng tài

Điều 35. Bản tự bảo vệ và việc gửi bản tự bảo vệ

Điều 36. Đơn kiện lại của bị đơn

 Điều 37. Rút đơn khởi kiện, đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại hoặc bản tự bảo vệ

Điều 38. Thương lượng trong tố tụng trọng tài

**6 Chương VI. HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI**

Điều 39. Thành phần Hội đồng trọng tài

Điều 40. Thành lập Hội đồng trọng tài tại Trung tâm trọng tài

Điều 41. Thành lập Hội đồng trọng tài vụ việc

Điều 42. Thay đổi Trọng tài viên

Điều 43. Xem xét thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Điều 44. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Điều 45. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng trọng tài

Điều 46. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về thu thập chứng cứ

Điều 47. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về triệu tập người làm chứng

**7 Chương VII. BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI**

 Điều 48. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Điều 49. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

 Điều 50. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài

 Điều 51. Thẩm quyền, thủ tục thay đổi, bổ sung, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài

 Điều 52. Trách nhiệm của bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

 Điều 53. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

**8 Chương VIII. PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Điều 54. Chuẩn bị phiên họp giải quyết tranh chấp

Điều 55. Thành phần, thủ tục phiên họp giải quyết tranh chấp

Điều 56. Việc vắng mặt của các bên

Điều 57. Hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp

Điều 58. Hoà giải, công nhận hòa giải thành

Điều 59. Đình chỉ giải quyết tranh chấp

**9 Chương IX. PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

Điều 60. Nguyên tắc ra phán quyết

Điều 61. Nội dung, hình thức và hiệu lực của phán quyết trọng tài

Điều 62. Đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc

Điều 63. Sửa chữa và giải thích phán quyết; phán quyết bổ sung

Điều 64. Lưu trữ hồ sơ

**10 Chương X. THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

Điều 65. Tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài

Điều 66. Quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài

 Điều 67. Thi hành phán quyết trọng tài

**11 Chương XI. HUỶ PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

Ðiều 68. Căn cứ huỷ phán quyết trọng tài

Điều 69. Quyền yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài

Điều 70. Đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài

Điều 71. Toà án xét đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài

Điều 72. Lệ phí toà án liên quan đến Trọng tài

**12 Chương XII. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Điều 73. Điều kiện hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Điều 74. Hình thức hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

 Điều 75. Chi nhánh

Điều 76. Quyền và nghĩa vụ của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Điều 77. Văn phòng đại diện

Điều 78. Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Điều 79. Hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam